

PHẦN 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Xuất phát từ yêu cầu đổi mới giáo dục: Thế kỷ XXI là thế kỷ mà quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, làm thay đổi tất cả các lĩnh vực, trong đó đặc biệt là khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo... dẫn đến sự chuyển biến nhanh chóng về cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực của nhiều quốc gia. Để hòa nhập và bắt kịp với xu thế chung đó giáo dục chúng ta phải thay đổi. Giáo dục Việt Nam những năm gần đây đang có những đổi mới tích cực, toàn diện. Bộ môn Ngữ Văn là môn một trong những môn thi bắt buộc với học sinh THPT cũng không nằm ngoài xu hướng đó.

1.2. Xuất phát từ thực tế chương trình và thi cử: Đề thi THPT Quốc gia môn Ngữ văn trong những năm gần đây tập trung chủ yếu vào kiến thức của lớp 12. Văn bản đọc hiểu trong chương trình Ngữ văn 12 tập trung vào các văn bản văn học Việt Nam giai đoạn 1945 hết thế kỉ XX. Số lượng kiến thức về tác giả, tác phẩm của giai đoạn văn học này rất lớn, gây áp lực cho cả người dạy và người học. Do đó để việc ôn tập THPT Quốc gia (năm 2020 là ôn thi Tốt nghiệp THPT) có hiệu quả, đòi hỏi giáo viên phải dạy cho học sinh không chỉ nắm vững kiến thức của từng tác giả, tác phẩm mà phải biết so sánh điểm giống và khác nhau giữa các tác giả, tác phẩm đó để khắc sâu kiến thức.

Khảo sát đề thi THPT Quốc gia môn Ngữ văn những năm gần đây, ta nhận thấy Bộ GD&ĐT rất chú trọng đến dạng đề mở, đặc biệt là dạng bài nghị luận so sánh văn học.

Trong quá trình giảng dạy, tôi nhận thấy đa số, các em đều cho rằng dạng đề so sánh hay có vận dụng thao tác so sánh là khó và quá sức đối với các em. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này. Do chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn chưa đưa dạng bài nghị luận so sánh vào giảng dạy cho học sinh (mới chỉ có bài dạy về thao tác lập luận so sánh), bởi vậy học sinh rất lúng túng khi gặp dạng đề này. Nhưng nhiều em dù có biết các bước làm dạng đề so sánh nhưng vẫn điểm thấp vì kiến thức cơ bản về các tác giả, tác phẩm của các em rất hạn chế. Một phần do trong các giờ dạy trên lớp, một bộ phận giáo viên không (hoặc chưa thường xuyên) sử dụng thao tác lập luận so sánh trong các giờ đọc- hiểu, chưa khai thác văn bản một cách thấu đáo, chưa tạo được hứng thú cho học sinh trong giờ học. Áp lực về thời gian, dung lượng kiến thức khiến cho giáo viên chủ yếu cung cấp kiến thức cơ bản của văn bản cho học sinh. Bởi vậy, vô hình chung, học sinh học các văn bản văn học một cách rời rạc mà không có sự kết nối, liên hệ với nhau. Do đó, khi các em bắt gặp các dạng đề so sánh hoặc liên hệ so sánh, các em không biết xử lí đề ra sao. Đây là điều mà tôi lấy làm băn khoăn trong quá trình giảng dạy. Làm sao để người dạy tận dụng được tốt các tiết đọc - hiểu văn bản văn học để trang bị cho học sinh đầy đủ các kiến thức về các hiện tượng văn học để học sinh có thể xử

lí tốt các dạng đề nghị luận so sánh. Vậy nên tôi mạnh dạn đi sâu nghiên cứu vấn đề này với mong muốn phần nào giúp cho người giáo viên bớt đi những khó khăn, lúng túng khi rèn luyện cho học sinh sử dụng thao tác so sánh trong giờ dạy đọc - hiểu văn bản.

Với những lí do trên, tôi đã chọn vấn đề: “ *Nâng cao hiệu quả của thao tác lập luận so sánh qua giờ đọc- hiểu văn bản văn học Việt Nam trong chương trình Ngữ văn 12*” làm đề tài cho sáng kiến kinh nghiệm của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

2.1. Đối với giáo viên

Giúp giáo viên phát huy được vai trò của đổi mới phương pháp dạy học .Từ đó giúp nâng cao trình độ chuyên môn, khả năng nghiên cứu khoa học của bản thân .

2.2. Đối với học sinh

Tăng thêm sự hứng thú đối với bài học, phát huy được năng lực tự tìm tòi khám phá tri thức, khả năng tự học tự nghiên cứu ...

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Trong thời gian và phạm vi giới hạn, tôi mong muốn đề tài sẽ phần nào làm rõ được phương pháp, cách thức sử dụng thao tác lập luận so sánh trong giờ đọc hiểu văn bản văn học, trong quá trình dạy học môn Ngữ văn THPT.

4. Đối tượng, phạm vi địa bàn khảo sát

Sáng kiến hướng đến việc nâng cao hiệu quả của thao tác lập luận so sánh qua giờ đọc – hiểu văn bản văn học Việt Nam trong chương trình ngữ văn 12 trên địa bàn huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An .

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp nghiên cứu lí thuyết: Phân tích, tổng hợp, so sánh - đối chiếu, suy luận...

5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp thực nghiệm sư phạm, phương pháp thống kê.

6. Đóng góp mới của đề tài

6.1. Tính mới của đề tài

- *Về lý luận:* Sáng kiến đóng góp với các bạn đồng nghiệp dạy bộ môn Ngữ văn cấp THPT nói chung về thực trạng sử dụng thao tác lập luận so sánh trong dạy học môn Ngữ văn THPT hiện nay.

- *Về thực tiễn:* Đi sâu vào vấn đề sử dụng thao tác lập luận so sánh trong giảng dạy giờ đọc hiểu môn mình phụ trách, tôi muốn đưa ra một số giải pháp mà

bản thân tôi đã thực hiện trong quá trình giảng dạy tại trường THPT ...

6.2. Những đóng góp của đề tài

Thông qua nội dung bài viết này tôi muốn đóng góp thêm với các bạn đồng nghiệp dạy bộ môn Ngữ văn nói chung về đổi mới PPDH nhằm phát huy năng lực học sinh hiện nay. Một vấn đề mà toàn xã hội đang quan tâm và đề cập đến rất nhiều trong công cuộc đổi mới giáo dục.

7. Cấu trúc của đề tài

Phần I. Đặt vấn đề

Phần II. Nội dung đề tài

Phần III. Kết luận và một số đề xuất, kiến nghị

PHẦN II. NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ KHOA HỌC

1.1. Cơ sở lí luận

1.1.1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Để có cơ sở khoa học đánh giá nội dung tho tác lập luận so sánh, tôi đã tiến hành tìm hiểu các công trình nghiên cứu về vấn đề này. Tuy nhiên một điều có thể khẳng định là so sánh là một thao tác lập luận còn khá mới mẻ chưa được nhiều tác giả nghiên cứu. Cụ thể :

Trên thế giới: Khái niệm so sánh đã có từ thời văn học La Mã. Dần dần cùng với quá trình nhận thức của con người, so sánh được sử dụng rộng rãi và trở thành những trường phái văn học so sánh ở Pháp, Hoa Kỳ, Nga từ thế kỷ XX đến nay. Một số cuốn sách nổi tiếng viết về đề tài này được sử dụng rộng rãi như: Những vấn đề nghiên cứu văn học so sánh hiện nay của tác giả Konrand N (*xuất bản 1966*), Nguyên lí văn học so sánh của tác giả Nhạc Đại Vân (*xuất bản 1988*).

Còn ở Việt Nam: Thao tác so sánh được nghiên cứu và áp dụng ở nhiều trường đại học vào những năm cuối thế kỷ 20 và đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học như: *Vài thu hoạch lý luận về nghiên cứu văn học so sánh* (1980), *Văn học so sánh trước nhu cầu đổi mới* (1988). Đặc biệt là cuốn *Giáo trình văn học so sánh* do tác giả Lê Huy Tiêu dịch (2011) đã tổng kết những vấn đề lý thuyết so sánh chuyên sâu xứng đáng là tài liệu tham khảo cho mọi người yêu văn học. Tác giả Bảo Quyên trong cuốn : *Rèn luyện kỹ năng làm văn nghị luận* (NXB Giáo dục 2004) đã quan niệm so sánh như một thao tác tổ chức nên bài văn nghị luận bên cạnh các thao tác khác như phân tích và tổng hợp, giải thích ,chứng minh, bình luận .Còn trong cuốn : *Muốn viết được bài văn hay*(NXB Giáo dục 2006) do tác giả Nguyễn Đăng Mạnh chủ biên cũng đã trình bày sự khác nhau giữa so sánh như một biện pháp tu từ để tạo ra hình ảnh với so sánh như một phương pháp, một cách thức trình bày khi viết bài văn nghị luận. Ngoài ra còn có rất nhiều luận án tiến sĩ của các trường đại học đầu ngành cũng đã nghiên cứu vấn đề này.

Trong các công trình nghiên cứu, sách, bài viết mà tác giả đề tài đã sưu tầm được, chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về việc nâng cao hiệu quả của thao tác lập luận so sánh qua giờ đọc hiểu văn bản văn học phù hợp vào chương trình Ngữ văn THPT nhằm góp phần phát triển phẩm chất, năng lực tự học cho học sinh hiện nay. Đó là "khoảng trống" về lý luận và thực tiễn đòi hỏi đề tài sáng kiến phải làm rõ. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ có những đóng góp về lý luận và thực tiễn đối với môn Ngữ văn.

1.1.2. Vai trò của thao tác lập luận so sánh trong dạy học môn Ngữ văn

1.1.2.1. So sánh là một thao tác tư duy rất cơ bản. Trong cuộc sống, khi ta tư duy, ta đã dùng đến thao tác này rất thường xuyên như một phần tất yếu. Văn học

cũng là một lĩnh vực của tư duy, của nhận thức, mang tính đặc thù, cho nên việc sử dụng thao tác so sánh trong sáng tác và nghiên cứu văn học là một điều hết sức tự nhiên. Từ khi có văn học, nhất là văn học viết đến nay, các nhà nghiên cứu đã có ý thức so sánh khi tìm hiểu văn chương, đặc biệt là khi có những hiện tượng song hành trong văn học. Có thể nhắc đến những hiện tượng song hành tiêu biểu trong văn học Việt Nam: Nguyễn Trãi và Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du và Nguyễn Đình Chiểu, *Cung Oán Ngâm* và *Chinh Phụ Ngâm*... So sánh các hiện tượng văn chương trở thành một phương pháp nghiên cứu văn chương. Ở đây chúng tôi không nhắc tới so sánh văn học như một bộ môn khoa học mà được hiểu như một phương pháp dạy học, hướng học sinh nhận diện được tác giả, tác phẩm văn học.

1.1.2.2. Khái niệm so sánh văn học cần phải được hiểu theo bốn góc nhìn khác nhau. Thứ nhất, so sánh văn học là “một biện pháp tu từ để tạo hình ảnh cho câu văn”. Thứ hai, nó được xem như một thao tác lập luận cạnh các thao tác lập luận như: phân tích, bác bỏ, bình luận đã được đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn 11. Thứ ba, nó được xem như “một phương pháp, một cách thức trình bày khi viết bài nghị luận”, tức là như một kiểu bài nghị luận bên cạnh các kiểu bài nghị luận về một đoạn trích, tác phẩm thơ; nghị luận về một đoạn trích, tác phẩm văn xuôi... ở sách giáo khoa Ngữ văn 12. Thứ tư, nó được xem như một phương pháp dạy học, hướng học sinh nhận diện được tác giả, tác phẩm văn học. Ở đề tài này chúng ta nghiên cứu vấn đề ở góc nhìn thứ tư.

1.1. 2.3. Thao tác so sánh trong đọc - hiểu văn bản yêu cầu thực hiện cách thức so sánh trên nhiều bình diện: *đề tài, nhân vật, tình huống, cốt truyện, cái tôi trữ tình, chi tiết nghệ thuật, nghệ thuật trần thuật*... Quá trình so sánh có thể chỉ diễn ra ở các tác phẩm của cùng một tác giả, nhưng cũng có thể diễn ra ở những tác phẩm của các tác giả cùng hoặc không cùng một thời đại, giữa các tác phẩm của những trào lưu, trường phái khác nhau của một nền văn học. Mục đích cuối cùng của thao tác lập luận này là yêu cầu học sinh chỉ ra được chỗ giống và khác nhau giữa hai tác phẩm, hai tác giả, từ đó thấy được những mặt kế thừa, những điểm cách tân của từng tác giả, từng tác phẩm; thấy được vẻ đẹp riêng của từng tác phẩm; sự đa dạng muôn màu của phong cách nhà văn. Không dừng lại ở đó, kiểu bài này còn góp phần hình thành kỹ năng lí giải nguyên nhân của sự khác nhau giữa các hiện tượng văn học – một năng lực rất cần thiết góp phần tránh đi khuynh hướng “bình tán” khuôn sáo trong các bài văn của học sinh hiện nay. Lẽ hiển nhiên, đối với đối tượng học sinh trung học phổ thông, các yêu cầu về năng lực lí giải cần phải hợp lí, vừa sức. Nghĩa là các tiêu chí so sánh cần có mức độ khó vừa phải, khả năng lí giải sự giống và khác nhau cũng cần phải hợp lí với năng lực của các em.

1.1.3 Lý thuyết về so sánh và thao tác lập luận so sánh

1.1.3.1. Khái niệm về thao tác

Trong cuốn Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê (chủ biên) thì thao tác được

định nghĩa như sau: “Thực hiện những động tác nhất định để làm một việc gì đó trong sản xuất” [tr.917].

Trong tâm lí học, thao tác được xem là hệ thống những hành động trong tư duy. Thao tác chính là cốt lõi của các cách thức hành động bị quy định và phụ thuộc chặt chẽ bởi phương tiện, điều kiện cụ thể. Thao tác là một yếu tố không thể thiếu được trong hoạt động của con người. Nó nảy sinh từ nhu cầu hành động của con người. Nhu cầu ấy chi phối tới việc xác định hành động như thế nào để đạt được những mục đích cụ thể, hành động đó nhằm đạt được những nhiệm vụ gì. Thao tác là cách để làm nên nội dung hành động. Vì vậy, nó là yếu tố có tính chất cơ động, kĩ thuật, có thể lắp ghép trong các chuỗi hành động miễn sao nó phù hợp với mục đích thực hiện hành động đó

1.1.3.2. Cách hiểu về so sánh

So sánh là một thao tác của hoạt động tư duy logic nhằm giúp con người tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt khi đưa đối tượng này ra đối chiếu với đối tượng khác dựa trên một tiêu chí nào đó, từ đó nhận thức sâu sắc và làm nổi bật đối tượng.

Cuốn *Từ điển Tiếng Việt* của Hoàng Phê (chủ biên) đã đưa ra cách hiểu về so sánh là: “nhìn vào cái này để thấy cái kia, để thấy sự giống và khác nhau hoặc sự hơn kém” [tr.861].

Cuốn *Phong cách học Tiếng Việt hiện đại* của tác giả Hữu Đạt cũng đưa ra khái niệm so sánh là việc “đặt hai hay nhiều sự vật, hiện tượng vào các mối quan hệ nhất định nhằm tìm ra sự giống và khác nhau giữa chúng”[tr.294].

Như vậy, các cách hiểu về so sánh đều có quan điểm chung về so sánh là để thấy sự giống và khác nhau của các sự vật, hiện tượng, từ đó thấy rõ đặc điểm và giá trị của mỗi sự vật, hiện tượng.

Như vậy so sánh là thao tác logic dùng để rút ra các phán đoán, nhận xét để nhận thức đối tượng được cụ thể. Và để so sánh, người ta phải dựa trên cùng một tiêu chí, nếu khác tiêu chí, so sánh sẽ trở nên khập khiễng, thiếu sức thuyết phục, từ đó dễ dẫn đến nhận xét, đánh giá sai lệch.

1.1.3.3. Thao tác lập luận so sánh

Thao tác được dùng để chỉ việc thực hiện những động tác theo trình tự và yêu cầu kĩ thuật nhất định. Thao tác lập luận là quá trình triển khai lí lẽ một cách lô gic nhằm phát hiện thêm một chân lí mới từ chân lí đã có.

Có 6 loại thao tác lập luận: *giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ, so sánh*.

Thao tác lập luận so sánh là làm sáng tỏ đối tượng đang nghiên cứu trong mối tương quan với đối tượng khác. Đặt đối tượng vào cùng một bình diện, đánh giá

trên cùng một tiêu chí, nêu rõ quan điểm, ý kiến của người viết.

1.1.4. Đọc - hiểu văn bản văn học

1.1.4.1. Đọc- hiểu văn bản là gì?

Theo Giáo sư - Tiến sĩ Nguyễn Thanh Hùng: “*Đọc- hiểu là một khái niệm khoa học chỉ mức độ cao nhất của hoạt động đọc; đọc hiểu đồng thời cũng chỉ năng lực văn của người đọc*”. “*Đọc- hiểu là hoạt động truy tìm và giải mã ý nghĩa văn bản*”. Còn với Giáo sư Trần Đình Sử: “*Đọc- hiểu văn bản như một khâu đột phá trong việc đổi mới dạy học và thi môn Ngữ văn, là yêu cầu bức thiết đối với việc đào tạo nguồn nhân lực mới cho đất nước tiến theo các nước tiên tiến*”.

Như vậy, đọc - hiểu là hoạt động đọc và giải mã các tầng ý nghĩa của văn bản thông qua khả năng tiếp nhận của học sinh. Đọc- hiểu là tiếp xúc với văn bản, hiểu được nghĩa hiển ngôn, nghĩa hàm ẩn, các biện pháp nghệ thuật, thông hiểu các thông điệp tư tưởng, tình cảm của người viết và giá trị tự thân của hình tượng nghệ thuật. Với quan điểm phát huy vai trò chủ thể của học sinh, xuất phát từ đặc thù của văn chương (nghệ thuật ngôn từ), phương pháp dạy học Văn thay bằng khái niệm “Đọc- hiểu văn bản”.

Đọc- hiểu có ba khâu: một là đọc- hiểu ngôn từ (chữ, từ, câu, đoạn, văn bản); hai là đọc- hiểu hình tượng như là cái biểu đạt và ba là hiểu ý nghĩa như là cái được biểu đạt. Dạy khâu một có những phương pháp khác với dạy khâu hai và trọng tâm dạy đọc văn là ở khâu ba. Nhiều trường hợp đọc hiểu cả mà vẫn không hiểu được ý nghĩa biểu đạt của văn bản. Ba khâu này không tách rời nhau, không hiểu khâu một thì không có khâu hai, không có khâu hai thì không có khâu ba. Đọc- hiểu khâu ba phải vận dụng nhiều phương pháp đặc thù.

1.1.4.2. Vai trò của thao tác lập luận so sánh trong giờ đọc- hiểu văn bản văn học

Nội dung tư tưởng, tình cảm của tác phẩm văn học được thể hiện bằng một hình thức nghệ thuật nhất định, bằng một ngôn ngữ văn chương nhất định. Cho nên, phải bám sát văn bản ngôn từ, kết hợp một cách nhuần nhuyễn việc phân tích nội dung tư tưởng với phân tích nghệ thuật, để chỉ ra cái hay cái đẹp mà đánh giá tác phẩm.

Muốn chỉ ra cái hay cái đẹp để đánh giá tác phẩm cả về mặt nội dung cũng như hình thức, để người nghe có được cái nhìn nhiều chiều, sâu sắc hơn về một tác phẩm văn học, rất cần sử dụng thao tác so sánh, đối chiếu trong quá trình phân tích. Trong một giờ đọc- hiểu văn bản trên lớp, ngoài các kỹ năng như đọc diễn cảm, đọc để lấy không khí, khơi gợi hứng thú của người học kết hợp sử dụng các thao tác lập luận: giải thích, phân tích, bình luận... thì một trong những thao tác đưa lại một hiệu quả nhất định trong quá trình giảng dạy, phân tích một tác phẩm văn học chính là thao tác so sánh đối chiếu.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Thực trạng việc sử dụng thao tác lập luận so sánh trong giờ đọc- hiểu văn bản văn học của giáo viên hiện nay

Việc vận dụng thao tác lập luận so sánh khi rèn kỹ năng làm văn nghị luận cho học sinh không còn là vấn đề mới mẻ. Tuy nhiên, việc vận dụng thao tác này vào quá trình đọc- hiểu một tác phẩm văn học ở nhiều trường phổ thông vẫn chưa được chú ý đến.

Hiện nay, ở nhiều trường phổ thông, tình trạng học sinh (đặc biệt học sinh theo học khối A và B) thờ ơ, lãnh đạm với môn Văn đang ngày càng trở nên phổ biến. Nhiều tác phẩm rất đặc sắc nhưng vẫn không thu hút được các em. Thậm chí, bút kí “*Ai đã đặt tên cho dòng sông?*” đặc sắc như vậy nhưng vẫn có những em học sinh (thậm chí học sinh khối D) không thích nên không đọc lần nào. Trong chương trình Ngữ văn 12 (chương trình cơ bản), “*Đàn ghi ta của Lorca*” (Thanh Thảo) là một bài thơ hay và khó. Cái khó này có lẽ bắt nguồn từ nhiều lí do: chính tác giả Thanh Thảo cũng là một cái tên khá “lạ” đối với học sinh; Phê đề ri cô Garxia Lorca – nghệ sĩ, chiến sĩ ưu tú của đất nước Tây Ban Nha xa xôi cũng khiến các em khó đồng cảm; cuối cùng, thể thơ tự do, mang xu hướng tượng trưng, siêu thực với rất nhiều hình ảnh mang tính biểu tượng, ẩn dụ khiến các em càng khó tiếp cận hơn. Với những sáng tác như vậy, nếu người dạy không cung cấp cho học sinh những thông tin cần thiết về con người, sự nghiệp sáng tác, phong cách nghệ thuật của Thanh Thảo cũng như Lorca; không so sánh với nghệ thuật miêu tả tiếng đàn Thúy Kiều trong “*Truyện Kiều*” của Nguyễn Du, nghệ thuật miêu tả tiếng đàn người kĩ nữ của Bạch Cư Dị trong “*Tì bà hành*” thì không thể nhận thấy sự độc đáo, khác biệt. Trong sự liên tưởng của Nguyễn Du, Bạch Cư Dị, tiếng đàn là phương tiện biểu hiện nỗi lòng, còn trong liên tưởng của Thanh Thảo, bản thân tiếng đàn là một sự sống, một sinh thể cũng bị tổn thương và “*chảy máu*” như chính con người. Đây cũng là một cách liên tưởng rất tự nhiên và tất yếu từ thực tế cuộc đời Lorca (bị bắn chết tàn bạo rồi ném xác xuống giếng). Song quan trọng hơn, cách liên tưởng ấy của Thanh Thảo cho thấy một quan niệm của nhà thơ về nghệ thuật: nghệ thuật (tiếng đàn của Lorca) phản ánh cuộc sống và khi hấp thụ vào mình cái phong phú của cuộc sống thì bản thân nó cũng trở thành một sinh thể có sự sống, có linh hồn.

Rõ ràng tác phẩm văn học dù có hay đến đâu nhưng người GV không có phương pháp giúp HS tiếp cận đúng thì giá trị của tác phẩm đó sẽ mãi chỉ nằm trên trang giấy mà không thể nào chạm đến trái tim của người học. Chính vì vậy, những giáo viên dạy Văn chúng tôi rất trăn trở, luôn mong muốn tìm ra một phương cách nào đó để thu hút các em, mong các em tự nguyện đồng cảm với nhà văn, với thầy cô trong mỗi giờ đọc- hiểu.

Để tạo hứng thú cho học sinh khi học văn, giúp các em có cái nhìn đa chiều, sâu sắc hơn về một tác phẩm văn học, người dạy rất cần sử dụng thao tác lập

luận so sánh trong giờ đọc- hiểu văn bản văn học. Với sự kết hợp thao tác lập luận này với các thao tác còn lại, học sinh không chỉ thấy được nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm, mà quan trọng hơn, học sinh còn thấy được nét riêng biệt, sự độc đáo của nhà thơ, nhà văn trong việc nhận thức và phản ánh cuộc sống. Trên cơ sở đó, học sinh sẽ biết sử dụng hợp lý và thành thạo thao tác lập luận so sánh trong quá trình tạo lập văn bản nghị luận.

Để có thêm cơ sở nghiên cứu đề tài, tôi tiến hành điều tra khảo sát bằng phiếu khảo sát đối với giáo viên giảng dạy môn Ngữ văn của trường..... tỉnh Nghệ An. Kết quả thu được như sau:

Tổng số giáo viên được lấy ý kiến: **05 người.**

Bảng 1: Thực trạng việc sử dụng thao tác lập luận so sánh trong giờ đọc- hiểu văn bản văn học của giáo viên. (Phụ lục 1)

Số TT	Nội dung câu hỏi	Phương án lựa chọn	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
1	Theo thầy (cô), có cần thiết phải sử dụng thao tác lập luận so sánh trong giờ đọc- hiểu văn bản không?	A. không cần thiết	0	0	
		B. có cần thiết	3	60%	
		C. rất cần thiết	2	40%	
2	Trong các giờ đọc- hiểu văn bản văn học, thầy (cô) có sử dụng thao tác lập luận so sánh không?	A. không sử dụng	0	0%	
		B. không thường xuyên sử dụng	3	60%	
		C. luôn luôn sử dụng	2	40%	
3	Theo thầy (cô), học sinh có hứng thú với giờ đọc- hiểu văn bản văn học sử dụng thao tác lập luận so sánh không ?	A. không hứng thú	0	0	
		B. hứng thú	1	20%	
		C. rất hứng thú	4	80%	

4	Theo thầy (cô), nguyên nhân khiến cho nhiều thầy (cô) chưa (chưa thường xuyên) sử dụng thao tác lập luận so sánh trong giờ đọc- hiểu văn bản văn học là?	A. phải đầu tư nhiều trí lực, thời gian	1	20%	
		B. chương trình còn nặng, thiếu thời gian	2	40%	
		C. cả A và B	2	40%	
5	Thầy (cô) có thường xuyên kiểm tra việc sử dụng thao tác lập luận so sánh trong các bài tập của học sinh không?	A. không	0	0	
		B. thỉnh thoảng	3	60%	
		C. thường xuyên	2	40%	

Kết quả điều tra trên cho thấy một thực tế trong các giờ đọc - hiểu văn bản văn học hiện nay: khoảng 50% giáo viên thấy việc vận dụng thao tác so sánh vào giờ đọc- hiểu là cần thiết ; khoảng 80% giáo viên thấy học sinh rất hứng thú với giờ học này. Song, rất ít giáo viên, rất ít giờ đọc-hiểu văn bản văn học sử dụng thao tác lập luận so sánh. Nguyên nhân khách quan là do chương trình, kiến thức còn nặng. Đối với các thầy (cô) dạy học sinh các lớp khối C, D luôn phải “gồng mình”, chạy đua với thời gian trong mỗi tiết học. Nếu có “cảm hứng” giảng giải, luận bình sâu sắc một chút, lập tức thiếu thời gian, giờ hết mà bài chưa hết. Nguyên nhân thứ hai: phải đầu tư nhiều thời gian, công sức nên nếu thầy (cô) chưa thực sự say mê, tâm huyết với công việc thì rất khó có thể thực hiện. Nguyên nhân cuối cùng thuộc về phía chủ quan người dạy: một số thầy (cô) chưa thường xuyên theo dõi trên các phương tiện thông tin đại chúng để nắm bắt kịp thời những yêu cầu đổi mới của Bộ giáo dục về phương pháp giảng dạy, ra đề, kiểm tra đánh giá. Vì vậy, họ vẫn chưa thấy được sự cần thiết phải thay đổi phương pháp giảng dạy trong các giờ đọc - hiểu văn bản văn học (cung cấp kiến thức và kỹ năng).

1.2.2. Thực trạng việc sử dụng thao tác lập luận so sánh của học sinh trong quá trình tạo lập văn bản nghị luận

Về phía học sinh, tôi đã tổ chức cho các em làm một bài kiểm tra trong khoảng 15 phút với yêu cầu: Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ, vận dụng kết hợp thao tác lập luận phân tích, bình luận và so sánh) nói lên cảm nhận của em về

khô thơ sau:

“*Dữ dội và dịu êm*

Ồn ào và lặng lẽ

Sông không hiểu nổi mình

Sóng tìm ra tận bể”

(*Sông- Xuân Quỳnh - SGK Ngữ văn 12, NXB Giáo dục, 2009*)

Kết quả thu được như sau:

Số lượng học sinh làm bài kiểm tra : 6 lớp trên tổng số 12 lớp (189 học sinh khối 12)

Bảng 2: Thực trạng việc sử dụng thao tác lập luận so sánh của học sinh trong quá trình tạo lập văn bản nghị luận (phản ánh qua điểm số):(**Phụ lục 2**)

Lớp	Số số	9-10		8- 7		6- 5		4- 3		2- 0	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
12A1	32	0	0	5	15,6	18	56,3	6	18,8	3	9,3
12A2	30	0	0	4	25	17	57,1	4	10,7	2	7,2
12B1	32	0	0	3	9,4	17	53,1	8	25	4	12,5
12B2	32	0	0	6	14,3	16	53,6	6	17,9	4	10,7
12B3	30	0	0	7	15,4	18	65,4	5	15,4	2	3,8
12B4	33	0	0	7	15,2	20	60,6	5	15,2	3	9,0
Tổng	189	0	0	31	15,6	106	57,5	34	17,3	18	9,6

Qua bài kiểm tra ngắn, tôi thấy đa số học sinh mới chỉ dừng lại ở việc phân tích cách sử dụng cặp từ trái ngược: “dữ dội”- “dịu êm”; “ồn ào”- “lặng lẽ”; hình ảnh ẩn dụ: “sóng”, “sông”, “bể”. Từ đó, các em đi đến bình luận: diễn biến tâm lí phức tạp trong tâm hồn người con gái đang yêu, khát khao tình yêu mãnh liệt, quan niệm tình yêu hiện đại... Có khoảng gần 14 % số lượng học sinh biết so sánh quan niệm tình yêu của người con gái trong thơ Xuân Quỳnh với người con gái trong xã hội phong kiến. Tuy nhiên, các em chưa nhấn mạnh được điều mới mẻ trong ý thơ của Xuân Quỳnh: khi “*Sông không hiểu*” thì sóng dứt khoát “*tìm ra tận bể*”. Đặt ý thơ vào bối cảnh văn hóa xã hội Việt Nam những năm 60 của thế kỉ trước, rõ ràng, Xuân Quỳnh là người có tư tưởng tiên bộ vượt thời đại. Bà đưa đến một tư tưởng mang giá trị nhân văn: trong tình yêu, người con gái có quyền và sẵn sàng vượt qua mọi giới hạn để đi tìm cho mình một tình yêu đích thực. Không một thế lực

nào, tôn giáo, lễ giáo nào có thể cản được bước chân của người con gái dám sống hết mình cho tình yêu.

Như vậy, rất nhiều em chưa nhận thức được một cách nghiêm túc vấn đề cần phải sử dụng thao tác lập luận so sánh khi viết dạng bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

Xuất phát từ thực trạng trên, tôi mạnh dạn đề xuất một số phương diện so sánh trong giờ đọc- hiểu văn bản nhằm nâng cao chất lượng giờ dạy, tạo hứng thú cho học sinh, từ đó tạo cơ sở cho các em thói quen và sử dụng thành thạo thao tác lập luận so sánh trong bài văn nghị luận.

CHƯƠNG 2. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ PHƯƠNG DIỆN SO SÁNH TRONG GIỜ ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN VĂN HỌC

2.1. Mục tiêu và yêu cầu khi sử dụng thao tác lập luận so sánh trong giờ đọc- hiểu văn bản

2.1.1. Mục tiêu

Trong giờ đọc- hiểu, tùy từng văn bản mà giáo viên nên sử dụng một cách linh hoạt thao tác lập luận so sánh để đưa đến những hiệu quả nhất định. So sánh để hiểu hơn về đối tượng đang nghiên cứu. So sánh để thấy được điểm giống và khác nhau giữa các tác phẩm, qua đó giúp học sinh nhận ra nét đặc sắc của mỗi tác giả trong việc cảm nhận và phản ánh cuộc sống. So sánh để hình thành cho học sinh thói quen và kĩ năng trong đọc- hiểu và giải quyết các dạng bài nghị luận so sánh văn học (hoặc xã hội).

2.1.2. Yêu cầu

2.1.2.1. Xác định phạm vi so sánh

Khi có ý định sử dụng thao tác so sánh để hướng dẫn học sinh đọc hiểu một tác phẩm văn học cụ thể, câu hỏi đầu tiên xuất hiện trong tâm thức người giáo viên sẽ là: Tác phẩm này có mối quan hệ tương đồng hay tương phản với tác phẩm nào ? vấn đề nào ? Việc trả lời đúng câu hỏi này sẽ giúp chúng ta xác định được có hay không thể vận dụng phương pháp so sánh khi dạy tác phẩm này? Nếu có thì cần so sánh trong phạm vi nào? Nhờ đó chúng ta tránh được việc so sánh tùy tiện thiếu căn cứ, làm cho giáo viên không thể chủ động trong việc thực hiện mục tiêu bài học .

2.1.2.2. Lựa chọn nội dung , vấn đề so sánh

Để sử dụng phương pháp so sánh trong dạy đọc hiểu văn bản văn học , sau khi khoanh vùng phạm vi so sánh người giáo viên phải lựa chọn được những nội dung vấn đề cần so sánh thật đích đáng. Không phải văn bản văn học nào khi giảng dạy cũng cần phải áp dụng phương pháp so sánh .Và ngay trong những văn bản văn học có vấn đề cần so sánh hoặc để so sánh thì cũng không thể so sánh bất kỳ chi tiết , hình ảnh hay tín hiệu nghệ thuật nào. Vì vậy, khi sử dụng phương pháp so sánh , chúng ta nhất thiết phải trả lời đúng câu hỏi: Cần so sánh cái gì trong văn bản văn học đang được đọc hiểu? Việc xác định vấn đề và nội dung so sánh một cách chính xác hợp lý là cơ sở quan trọng giúp giáo viên thành công trong sử dụng phương pháp so sánh . Có thể kể đến một số vấn đề so sánh khi dạy đọc hiểu văn bản văn học như đề tài, khuynh hướng và cảm hứng sáng tác, hình tượng, nhân vật ,bút pháp nghệ thuật.Nhưng dù chọn vấn đề nào đem ra so sánh người giáo viên cũng cần lưu ý những điều sau :

Nội dung , vấn đề so sánh phải là những yếu tố hàm chứa vẻ đẹp sự độc đáo , nét đặc sắc có khả năng biểu hiện cho nội dung, tư tưởng chủ đạo có ý nghĩa quan

trọng nổi bật hoặc giá trị nghệ thuật tiêu biểu của tác phẩm cũng như của phong cách nghệ thuật của tác giả.

Nội dung, vấn đề so sánh được chọn phải có mối quan hệ tương đồng hoặc tương phản trên một số phương diện với những đối tượng khác ở trong hoặc ngoài văn bản đang tìm hiểu mà học sinh đã được tiếp cận .

2.1.2.3 Xác định mục đích và cách thức so sánh

Khi đã hoàn thành hai bước trên, để việc so sánh không trở nên sai lệch lan man , người giáo viên cần đặt ra và trả lời câu hỏi: So sánh trong trường hợp này để làm gì ? Phải tiến hành việc so sánh như thế nào? Bằng cách thức gì Đây là công việc hết sức cần thiết và không kém phần khó khăn .

Mục đích so sánh là không bao giờ tách rời và đi ngược lại mục tiêu kỹ năng cần đạt khi đọc hiểu tác phẩm. Hướng đến khắc sâu kiến thức căn bản, trọng tâm của bài học, làm rõ những điểm độc đáo, những nét đặc sắc nổi bật của tác phẩm trên phương diện nội dung và nghệ thuật của tác phẩm .

2.1.2.4 .Tiến hành so sánh

Khi tiến hành so sánh giáo viên phải sử dụng hợp lý kết quả so sánh . Giáo viên luôn phải ghi nhớ : Kết quả so sánh chỉ là một phương tiện , là một con đường giúp học sinh đi vào tác phẩm , không được lấy nội dung so sánh thay thế cho việc khám phá , phân tích giá trị nội dung , nghệ thuật bài văn bài thơ.

Ví dụ với việc đọc- hiểu bài Sóng của Xuân Quỳnh giáo viên có thể hướng dẫn học sinh so sánh nổi nhớ trong tình yêu của nhân vật em:

"Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức!"

Với nổi nhớ trong tình yêu của nhân vật anh

" Anh nhớ tiếng, anh nhớ hình, anh nhớ ảnh ,

Anh nhớ em anh nhớ lắm em ơi ! "

(Xuân Diệu)

Để nhận ra nổi nhớ là dấu hiệu đặc trưng của tình yêu và cách thể hiện nổi nhớ của Xuân Quỳnh vô cùng độc đáo: nhớ da diết, khắc khoải bất chấp mọi quy luật.

Tuy nhiên khi sử dụng phương pháp dạy học này người giáo viên cần lưu ý: Phương pháp so sánh tuy có những ưu điểm nhất định nhưng áp dụng phải có giới hạn . Nếu lạm dụng việc so sánh sẽ trở nên phản tác dụng ảnh hưởng đến tiến trình dạy học của giáo viên và học sinh. Chúng ta chỉ nên lựa chọn nội dung nào tiêu biểu nhất trong văn bản văn học đang được đọc hiểu để tiến hành so sánh.

2.1.3 Xây dựng kịch bản nội dung và hình thức sản phẩm của đề tài.

Trong quá trình công tác tại trường..., qua kinh nghiệm dạy học của mình tôi xin mạnh dạn đề xuất quy trình minh họa để thầy cô có thể áp dụng khi thực hiện dạy học nâng cao hiệu quả của thao tác so sánh vào dạy học phần đọc hiểu văn học trong bộ môn Ngữ văn ở trường phổ thông hiện nay. Trong năm hoạt động của bài học cả giáo viên và học sinh đều có thể vận dụng thao tác so sánh bên cạnh các thao tác khác để nâng cao hiệu quả của bài dạy tùy theo từng loại bài dạy và từng đối tượng học sinh để vận dụng cho hợp lý.



Sơ đồ quy trình tổ chức dạy học có sử dụng thao tác lập luận so sánh

Để đạt được những mục tiêu đã đặt ra, giáo viên và học sinh cần lưu ý một số vấn đề trong quá trình vận dụng thao tác so sánh trong giờ đọc - hiểu văn bản:

- Phải so sánh các đối tượng trên cùng một tiêu chí bình diện để chỉ ra điểm giống, khác nhau, tránh khập khiễng.

- Phải chỉ ra và lí giải được nguyên nhân dẫn đến sự giống và khác nhau đó.

- So sánh trong giờ đọc - hiểu văn bản nhằm khắc sâu kiến thức văn bản cho học sinh, giúp học sinh thấy được sự kế thừa, đổi mới của mỗi giai đoạn văn học; nét riêng, sự độc đáo của mỗi tác giả trong cùng một đề tài, một giai đoạn văn học; sự chuyển biến về tư tưởng và quan niệm nghệ thuật của một tác giả qua các giai đoạn sáng tác; nét riêng, sự mới mẻ của mỗi tác giả trong cách cảm nhận và phản ánh hiện thực cuộc sống; so sánh các chi tiết nghệ thuật, các câu thơ (đoạn thơ), các câu văn (đoạn văn), các nhân vật trong các tác phẩm khác nhau của một tác giả hoặc nhiều tác giả để hiểu được giá trị tư tưởng của tác phẩm, thái độ của tác giả đối với cuộc sống và nghệ thuật. Do thời gian mỗi tiết học có hạn nên trong mỗi bài học, GV cần xác định các nội dung có thể tổ chức hoạt động tương tác tốt nhất

để rèn luyện thao tác lập luận so sánh cho HS. Để câu trả lời của HS có chất lượng, không lãng phí thời gian trống trên lớp, GV có thể giao trước HS chuẩn bị các nội dung thảo luận có sử dụng thao tác lập luận so sánh về các đơn vị kiến thức liên quan đến bài.

Để có thể hướng dẫn tốt học sinh thực hiện nhuần nhuyễn thao tác so sánh trong giờ đọc - hiểu văn bản văn học, đòi hỏi giáo viên phải ở trên học sinh một tầm, tức là người dạy phải có kiến thức chuyên môn vững vàng về văn học sử, về tác phẩm, phong cách nghệ thuật của tác giả và phải có năng lực khái quát tổng hợp vấn đề cao. Trong quá trình dạy học và hướng dẫn học sinh, sẽ có những tình huống học sinh tranh cãi khi so sánh các hiện tượng văn học, giáo viên phải biết dẫn dắt học sinh đến đáp án đúng đắn nhất.

Trong quá trình đọc - hiểu văn bản văn học, nếu chúng ta biết chọn và đưa ra các câu hỏi có vấn đề, biết cách khơi gợi hứng thú cho học sinh không chỉ giúp các em củng cố được thao tác phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát nâng cao vấn đề mà còn là cơ hội để các em biết xâu chuỗi và vận dụng một cách nhuần nhuyễn các kiến thức đã học, phát huy năng lực sáng tạo của các em, góp phần nâng cao kỹ năng làm bài văn nghị luận văn học.

2.2. Một số giải pháp về phương diện so sánh trong giờ đọc- hiểu văn bản văn học

2.2.1. So sánh đối chiếu hai nền văn học, hai thời kỳ văn học để thấy được sự giống nhau, kế thừa và phát triển, đổi mới của mỗi giai đoạn văn học

STT	Tên tác phẩm so sánh	Tên tác phẩm được so sánh	Sự kế thừa	Đổi mới
1	<i>Tuyên ngôn độc lập.</i> (Nguyễn Ái Quốc)	- <i>Nam quốc sơn hà</i> - tương truyền của Lí Thường Kiệt - <i>Bình Ngô đại cáo</i> - Nguyễn Trãi.	- Tuyên bố độc lập. - Khẳng định chủ quyền dân tộc. - Căn cứ pháp lí.	- Cuộc tranh luận ngầm với thực dân Pháp và đặc biệt là các nước đang chuẩn bị xâm lược nước ta: Anh, Mỹ... - Căn cứ pháp lí: dựa vào tuyên ngôn của Pháp, Mỹ. - Từ quyền con người, Bác suy rộng ra thành quyền dân tộc.
2	<i>Tây Tiến</i> - Quang	- <i>Thuật hoài</i> - Phạm Ngũ Lão.	- Yêu nước. - Hình ảnh đẹp	Người lính ra đi từ thủ đô Hà Nội: hào hùng, hào hoa, lãng mạn (vẻ đẹp bi

	Dũng	- <i>Chinh phụ ngâm khúc</i> - Đoàn Thị Điểm	và trang trọng.	tráng).
3	<i>Đất Nước</i> - Nguyễn Khoa Điềm.	- <i>Nam quốc son hà</i> - Lí Thường Kiệt. - <i>Thuật hoài</i> - Phạm Ngũ Lão.	Lòng yêu nước, ý chí quyết tâm đánh giặc để bảo vệ Tổ quốc.	- Đất Nước của Nhân Dân, Đất Nước “nhuốm màu” văn hóa dân gian. - Đất Nước là “máu xương” của mỗi người nên “anh và em” phải có trách nhiệm dựng, sẵn sàng hi sinh bảo vệ Tổ quốc.
4	<i>Sóng</i> - Xuân Quỳnh	- Một số bài <i>Ca dao yêu thương, tình nghĩa</i> . - Một số bài thơ sáng tác trong thời kì Thơ mới: <i>Tương tư</i> , <i>Tương tư chiều</i> , ..	Nỗi nhớ trong tình yêu, da diết, mãnh liệt.	- Tình yêu của người con gái vừa hiện đại, vừa truyền thống. - Tâm trạng của người con gái khi yêu hiện ra với đủ cung bậc, chủ động bày tỏ khát vọng mãnh liệt khi yêu. Ước ao được hóa thành sóng để bắt tử hóa tình yêu.
5	<i>Đàn ghi ta của Lorca</i> - Thanh Thảo	- <i>Độc Tiểu Thanh kí</i> - Nguyễn Du. - <i>Kính gửi cụ Nguyễn Du</i> - Tố Hữu.	Tiếng nói tri âm	- Ngưỡng mộ, tri ân một người nghệ sĩ có tài năng, nhân cách mà phải chịu một số phận oan khuất. - Sự đổi mới trong cách diễn đạt: tự do, không viết hoa đầu dòng, sử dụng nhiều hình ảnh biểu tượng, ẩn dụ...

2.2.2. So sánh đối chiếu hai khuynh hướng văn học.

(Văn học trung đại - văn học hiện đại; văn học trước cách mạng 1945 - văn học sau cách mạng 1945,...)

STT	Tên tác phẩm so sánh	Tên tác phẩm được so sánh	Điểm giống và khác nhau
1	<i>Đàn ghi ta của Lorca</i> - Thanh Thảo	- <i>Độc Tiểu Thanh kí</i>- Nguyễn Du. - <i>Kính gửi cụ Nguyễn Du</i>- Tố Hữu.	- Giống nhau: tiếng nói tri âm. - Khác nhau: + <i>Độc Tiểu Thanh kí</i>: sự đồng cảm của những người “phong vận kì oan” trong xã hội phong kiến (tài tử đa cùng, hồng nhan đa truân). + <i>Kính gửi cụ Nguyễn Du</i>: cảm quan của hậu thế: đồng cảm với cuộc đời của Thúy Kiều; biết ơn, trân trọng tấm lòng và tài năng của Nguyễn Du. + <i>Đàn ghi ta của Lorca</i>: ảnh hưởng từ thơ siêu thực, tượng trưng, thơ tự do... Nỗi niềm tâm sự được bộc lộ kín đáo, có phần độc đáo, lạ lùng đối với người tiếp cận.
2	<i>Vợ chồng A Phủ</i> - Tô Hoài	- <i>Chí Phèo, Lão Hạc, Đồi thềm</i>- Nam Cao. - <i>Tắt đèn</i>- Ngô Tất Tố. - <i>Kép Tư Bền</i>- Nguyễn Công Hoan.	- Những tác phẩm viết trước Cách mạng tháng Tám/1945: nhà văn có cái nhìn bế tắc về cuộc sống. - <i>Vợ chồng A Phủ</i>: thuộc khuynh hướng HTXHCN: nhà văn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng nên có cái nhìn tích cực, lạc quan về cuộc sống và tương lai.
3	<i>Vợ nhặt</i> - Kim Lân	- <i>Chí Phèo, Lão Hạc, Đồi thềm</i>- Nam Cao. - <i>Tắt đèn</i>- Ngô Tất Tố. - <i>Kép Tư Bền</i>- Nguyễn Công Hoan.	- Những tác phẩm viết trước Cách mạng tháng Tám/1945: nhà văn có cái nhìn bế tắc về cuộc sống. - <i>Vợ nhặt</i>: thuộc khuynh hướng HTXHCN: nhà văn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng nên có cái nhìn tích cực, lạc quan về cuộc sống và tương lai.

2.2.3. So sánh đối chiếu để thấy sự giống và khác nhau trong sự sáng tạo của mỗi nhà văn ở cùng một đề tài, trong một giai đoạn văn học

STT	Tên tác phẩm so sánh	Tên tác phẩm được so sánh	Điểm giống và khác nhau
1	Tây Tiến - Quang Dũng	- <i>Đồng chí</i> - Chính Hữu. - <i>Nhớ- Hồng Nguyên</i> .	* Giống nhau: người lính chống Pháp qua sự kết hợp bút pháp hiện thực và lãng mạn. * Khác nhau: + <i>Đồng chí, Nhớ</i> : người lính ra đi từ nông thôn, vốn là người nông dân chân chất, mộc mạc; quê hương nghèo đói.. + <i>Tây Tiến</i> : Người lính vốn là học sinh, sinh viên ra đi từ thủ đô Hà Nội, mang vẻ đẹp hào hùng, hào hoa, đậm chất bi tráng, mang dáng dấp của tráng sĩ thuở trước “ <i>nhất khứ hề bất phục phản</i> ”.
2	Đoạn trích <i>Đất nước</i> - Nguyễn Khoa Điềm	- <i>Đất nước, Việt Nam quê hương ta</i> - Nguyễn Đình Thi. - <i>Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng</i> - Chế Lan Viên. - <i>Ta đi tới</i> - Tố Hữu.	* Giống nhau: Đề tài đất nước. * Khác nhau: + <i>Đất nước</i> của Nguyễn Đình Thi: viết về đất nước trong thời gian, không gian cụ thể (mùa thu ở Việt Bắc, trong kháng chiến chống Pháp), bút pháp tráng ca. <i>Việt Nam quê hương ta</i> : cảm nhận về đất nước qua chiều rộng của không gian... + <i>Đất Nước</i> của Nguyễn Khoa Điềm: viết về Đất Nước (viết hoa) trong suốt chiều dài lịch sử 4 nghìn năm dựng và giữ nước; trong bề rộng không gian (Bắc, Trung, Nam), trong chiều sâu văn hóa dân tộc (văn học dân gian, phong tục tập quán, truyền thống yêu nước, đạo lí...); chất trữ tình-chính luận... + Chế Lan Viên viết về lịch sử đất nước với tên tuổi của các triều đại, danh nhân văn hóa; Nguyễn Khoa Điềm lại nhắc đến công lao của những con người vô danh, bình dị;